

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 308/2023/DS-ST
Ngày 22-12-2023
V/v: “Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An
Ông Hà Bửu Khánh
Bà Nguyễn Hồng Cúc
- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Phụng - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tỉnh Kiên Giang:**
Không tham gia phiên tòa.
- Ngày 22 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 281/2023/TLST-DS ngày 09 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự góp hụi*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 393/2023/QĐXXST- DS ngày 01 tháng 12 năm 2023. Giữa các đương sự:
- *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị N** - sinh năm: 1938 (Có mặt).
- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị N1** - sinh năm: 1967 (Có mặt).
Ông **Phạm Văn T** - sinh năm: 1964. (Có mặt).
Cùng địa chỉ: **Ấp N, xã B, huyện G, tỉnh Kiên Giang.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà **Trần Thị N** trình bày:
Vào năm 2021, bà **N** có tổ chức chơi hụi do bà làm chủ, vợ chồng bà **N1**, ông **T** có tham gia chơi 07 dây hụi và đã hốt hết các chân hụi mà ông bà tham gia nhưng không đóng lại hụi chết cho bà, cụ thể như sau:

- Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 19/01/2021 âm lịch, có 25 hụi viên, vợ chồng bà **N1**, ông **T** tham gia 02 chân và đã hốt hết;
- Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 30/02/2021 âm lịch, có 26 hụi viên, vợ chồng bà **N1**, ông **T** tham gia 04 chân và đã hốt hết 04 chân hụi;

3. Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 25/4/2021 âm lịch, có 21 hụi viên, vợ chồng bà N1, ông T tham gia 02 chân và đã hốt hết 02 chân hụi;

4. Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 15/8/2021 âm lịch, có 25 hụi viên, vợ chồng bà N1, ông T tham gia 02 chân và đã hốt 02 chân hụi;

5. Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 10/9/2021 âm lịch, có 26 hụi viên, vợ chồng bà N1, ông T tham gia 02 chân và đã hốt 02 chân hụi;

6. Dây hụi 2.000.000 đồng, mở hụi ngày 06/11/2021 âm lịch, có 30 hụi viên, vợ chồng bà N1, ông T tham gia 02 chân và đã hốt 02 chân hụi;

Mỗi lần mở hụi thì bà được tiền hoa hồng dây hụi tháng là 1.000.000 đồng.

Ngoài ra, bà cũng làm chủ 01 dây hụi mùa, ngày mở hụi thì bà không nhớ nhưng bà đã đóng thay ông T và bà N1 số tiền là 5.000.000 đồng. Dây hụi này bà được hưởng hoa hồng là 2.000.000 đồng/lần.

Kể từ khi hốt hết các dây hụi cho đến nay, ông T và bà N1 không đóng lại hụi chết cho bà, tổng cộng ông T và bà N1 nợ số tiền là 227.000.000 đồng. Ngày 10/11/2022, bà N đã khởi kiện yêu cầu ông T và bà N1 phải trả số tiền hụi còn thiếu tính đến 10/11/2022 và được xét xử theo bản án số 38/2023/DSST ngày 27/02/2023, Tòa án đã buộc ông T và bà N1 trả cho bà số tiền hụi còn thiếu là 112.000.000 đồng và đã thi hành án xong.

Nay bà tiếp tục khởi kiện số tiền nợ hụi còn lại, bà N xác định tính đến ngày 15/9/2023 thì ông T và bà N1 còn thiếu bà số tiền hụi là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng). Bà N yêu cầu ông T, bà N1 phải trả cho bà số tiền hụi là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn - Nguyễn Thị N1, ông Phạm Văn T trình bày:

Bà N1, ông T thừa nhận ông bà có tham gia chơi các chân hụi do bà N làm chủ hụi như bà N đã trình bày, ông bà tham gia tổng cộng 06 dây hụi tháng và 01 dây hụi mùa, hiện đã hốt hết các chân hụi như bà N trình bày. Sau khi hốt hụi ông bà lấy vốn làm ăn nhưng bị thất bại thua lỗ nên không có khả năng đóng lại hụi chết cho bà N.

Bà N1, ông T thừa nhận hiện nay ông bà còn thiếu bà N tổng số tiền hụi là 115.000.000 đồng (Một trăm mười lăm triệu đồng), ông bà đồng ý trả cho bà N số tiền trên nhưng hiện nay ông bà không có khả năng trả một lần mà xin gia hạn thời hạn trả đến tháng 05/2024 mới biết được trả bao nhiêu tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà **Trần Thị N** khởi kiện yêu cầu ông **T** và bà **N1** phải trả số tiền nợ hui còn thiếu đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, **T1** án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng góp hui cụ thể như sau: Bà **N** có mở các dây hui, bà **N1** và ông **T** trực tiếp tham gia các dây hui do bà **N** làm chủ hui bao gồm 06 dây hui tháng và 01 dây hui mùa.

Quá trình giải quyết tại địa phương và hòa giải Tòa án thì ông **T** và bà **N1** thừa nhận có tham gia chơi hui do bà **N** làm chủ, ông bà đã lĩnh hết các phần hui và hiện tại còn nợ tiền hui của bà **N** tổng cộng là 115.000.000 đồng nên đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét thấy tại thời điểm giao kết các bên tự nguyện giao kết, các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, hợp đồng góp hui đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Theo thỏa thuận, khi đến kỳ đóng hui thì thành viên tham gia chơi hui phải có nghĩa vụ góp hui lại chủ hui, việc ông **T** và bà **N1** đã được lĩnh hui xong nhưng ông bà không góp hui cho bà **N** là vi phạm nghĩa vụ của thành viên tham gia chơi hui, bà **N** yêu cầu ông bà phải góp hui là có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hui, họ, biêu phường.

Bà **N1** và ông **T** thừa nhận nợ nhưng cho rằng làm ăn thất bại nên xin trả dần nhưng không xác định được thời gian và cách thức thanh toán nợ nên sẽ được xem xét khi thi hành án.

Quá trình tham gia chơi hui, ông **T** và bà **N1** cùng trực tiếp tham gia và thực hiện hợp đồng góp hui, quá trình làm việc ông **T** cùng đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng trả nợ với bà **N1** nên căn cứ Điều 288 của Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử buộc ông **T** phải cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ chung với bà **N1**.

Do bà **N** không yêu cầu bà **N1** và ông **T** phải trả lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Từ những phân tích trên, xét thấy bà **N** khởi kiện yêu cầu bà **N1** và ông **T** phải trả số tiền nợ hui là hoàn toàn có căn cứ theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 của Nghị định số

19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu phượng nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Kể từ ngày bà **N** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà **N1** và ông **T** không trả đủ tiền thì bà **N1** và ông **T** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của bà **N** được chấp nhận toàn bộ nên buộc bà **Nguyễn Thị N1** và ông **Phạm Văn T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $115.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.750.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 288, Điều 471, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ a khoản 2 Điều 16 và khoản 2 Điều 17 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu phượng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Trần Thị N** đối với bà **Nguyễn Thị N1** và ông **Phạm Văn T**.

Buộc bà **Nguyễn Thị N1** và ông **Phạm Văn T** phải liên đới trả cho bà **Trần Thị N** số tiền nợ hội còn thiếu là 115.000.000 đồng (*Một trăm, mười lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày bà **N** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà **N1** và ông **T** không trả đủ tiền thì bà **N1** và ông **T** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà **Nguyễn Thị N1** và ông **Phạm Văn T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là: $115.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 5.750.000 \text{ đồng}$ (*Năm triệu, bảy trăm, năm mươi nghìn đồng*).

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 22/12/2023.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ọc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục THADS;
- Dương sự;
- UBND xã;
- Lưu HS, VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thúy An